

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM ⁽¹⁾
(Ngày 09 tháng 12 năm 2025) ⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập
 - Họ và tên: LÊ THỊ YẾN - Ngày tháng năm sinh: 20/12/1971
 - Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng trường TH-THCS Thanh Trường.
 - Cơ quan/đơn vị công tác: Trường TH-THCS Thanh trường.
 - Nơi thường trú: 54 phố 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 040 171 002 437 ngày cấp 13/4/2021 - Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập.
 - Họ và tên: Nguyễn Thanh Tân: Ngày tháng năm sinh: 12/09/1967
 - Nghề nghiệp: Công nhân
 - Nơi làm việc: Hưu trí (1/11/2025).
 - Nơi thường trú: SN 54, phố 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 011 067 000 260. Ngày cấp: 12/04/2021. Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật). Không

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Nhà ở, công trình xây dựng:

- 1.1. Đất ở:
 - 1.1.1. Thừa thừa nhất
 - Địa chỉ: - Địa chỉ: SN 54, phố 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.
 - Diện tích: 236m²
 - Giá trị: 280 000 000 VNĐ
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Thừa đất số: 232; tờ bản đồ số: 61; số bìa DQ 725 121; số giấy chứng nhận QSDĐ: CN61391 ngày cấp 03/12/2024 nơi cấp UBND TP Điện Biên phủ, tỉnh Điện Biên cấp cho bà Lê Thị Yến và ông Nguyễn Thanh Tân được phép sử dụng.
 - Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: **Không**

1.1.2. Thửa thứ hai: (Mô tả như mảnh thứ nhất).

- Địa chỉ: Khu 11 căn, ngõ 401/21/10 phố Cáo Đình 1, phường Xuân đình, thành phố Hà Nội.

- Diện tích: 30m²

- Giá trị: 1 200 000 VNĐ

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Thửa đất số: (157+158+159)-1; tờ bản đồ số: 31; số bìa CT542446; số giấy chứng nhận QSDĐ CS00107 ngày cấp 02/01/2020 nơi cấp sổ Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp cho bà Lê Thị Yến và ông Nguyễn Thanh Tân.

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: **Không**

1.2. Các loại đất khác: Không

1.2.1. Thửa thứ nhất: Không

+ Địa chỉ:

+ Diện tích:

+ Giá trị:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

+ Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ hai: (Mô tả như mảnh thứ nhất). Không

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở :

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: SN 54, phố 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Loại nhà: nhà ở riêng lẻ.

- Diện tích xây dựng: 180m²

- Giá trị: 1 480 000 000VNĐ (gồm cả đất và nhà)

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: **Không**

2.1.2. Nhà thứ hai:

- Địa chỉ: Khu 11 căn, ngõ 401/21/10 phố Cáo Đình 1, phường Xuân đình, thành phố Hà Nội.

- Loại nhà: nhà ở riêng lẻ.

- Diện tích xây dựng: 150m²

- Giá trị: 1 200 000 000VNĐ.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: **Không**

2.2. Công trình xây dựng khác: Không

2.2.1. Công trình thứ nhất: không

- Loại công trình Cấp công trình
- Diện tích:
- Giá trị:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ hai (Trở lên): không.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): không

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: một xe khách. Số đăng ký: BKS 27B – 001 -04 Giá trị:

300 000 000 VNĐ

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 319 040 532 VNĐ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 259 040 532 VNĐ

- Tổng thu nhập của chồng: 60 000 000 VNĐ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

III. GIẢI TRÌNH SỰ BIẾN ĐỘNG CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP (Biến động về tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm): Không có biến động.

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .		319 040 532 VNĐ 259 040 532 VNĐ 60 000 000 VNĐ	Thu nhập từ lương, phụ cấp của bản thân và của chồng. Thu nhập từ lương, phụ cấp của bản thân. Thu nhập từ lương, phụ cấp của chồng

Điện Biên, ngày 15 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Dương Thị Hoa

Điện Biên, ngày 09 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Thị Yến